

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**
Bản án số: 02/2020/HC-PT
Ngày 21/ 9/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa; Ông K'Tiêng;

Các Thẩm phán tham gia: Ông Lê Quốc Hương và ông Nguyễn Hồng Chương

Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 18 và ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 02/2020/HC-PT ngày 15 tháng 8 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính; tuyên bố hành vi hành chính là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” giữa các đương sự:

1.1. Người khởi kiện: Bà Tạ Thị N – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lý Ngọc T1 (theo văn bản ủy quyền số chứng thực 1818/2019-SCT/CK,ĐC ngày 18/7/2019) - Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, ông Đinh Cao C – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Cao Thành – Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật –Trường Chính trị tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của bà Tạ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Vào tháng 02/2019 bà Tạ Thị N tiến hành khởi công xây dựng trụ tượng phật trên phần diện tích gia đình nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị G, tháng 03/2019 tượng đã hoàn thành nên bà N đã dựng trụ để trưng bày sản phẩm quảng cáo cho lĩnh vực kinh doanh bán đồ thờ cúng và chế tác đá mỹ nghệ do Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp giấy phép số 63C8001675 ngày 05/4/2019.

Ngày 19/4/2019 Chủ tịch UBND xã T cử cán bộ địa chính xuống lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Tạ Thị N với nội dung: Lấn chiếm đất xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, 01 căn nhà và 01 tượng phật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định 102/2014/NĐ - CP ngày 10/11/2014 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, biện pháp ngăn chặn để bảo đảm xử lý là trả lại đất lấn chiếm đối với hành vi xây dựng nhà trên đất lâm nghiệp.

Ngày 05/6/2019 chị Trần Thị Thanh Thúy, cán bộ địa chính UBND xã T xuống lập biên bản xác minh thêm tình tiết vi phạm hành chính, khi lập biên bản bà N trình bày diện tích đất trên bà N đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M (Bà N không ký biên bản);.

Ngày 01/7/2019 Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả, buộc bà N phải tháo dỡ và di dời Tượng phật, trong thời hạn 15 ngày. Tuy nhiên, ngày 04/7/2019 bà N được bà Thúy giao quyết định, trước khi Cưỡng chế đại diện UBND xã T do ông P, chức vụ Phó Chủ tịch và một số cán bộ đại diện xuống vận động bà N tự tháo dỡ, bà N đồng ý, nhưng chưa sắp xếp được.

Đến ngày 12/7/2019 Chủ tịch UBND xã T cưỡng chế, việc cưỡng chế bà N cho rằng không đúng vì chưa hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày giao quyết định cưỡng chế cho bà N. Quá trình cưỡng chế đã làm hư hỏng toàn bộ bức tượng, trị giá 120.000.000 đồng, hiện nay bức tượng đi đâu không rõ. Nay bà N thấy Chủ tịch UBND xã T đã có hành vi cưỡng chế là trái pháp luật vì khi lập biên bản vi phạm hành chính ngày 19/4/2019 người có thẩm quyền chưa xác định nội dung lý do vi phạm tượng dựng trên đất nông nghiệp hay lâm nghiệp, biện pháp khắc phục ghi trong biên bản là dựng nhà trên đất lâm nghiệp; biên bản xác minh ngày 05/6/2019 có phần khác biên bản vi phạm Hành chính là Tượng phật Quan Âm dựng tượng trên đất nông nghiệp, tại biên bản này bà N trình bày là đất bà N đã chuyển nhượng cho ông M, hành vi vi phạm của bà N theo biên bản ghi là vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014.

Ngày 26/6/2019, đại diện UBND xã T có chị Trần Thị Thanh T2 làm việc với ông M thì ông M trình bày việc bà N dựng trụ không liên quan đến ông M. Chưa xác định được là đất của ai nhưng Chủ tịch UBND xã T đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 53/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 (Quyết định ban hành trước xác minh). Nên dẫn đến Chủ tịch UBND xã T không ban hành quyết định hành chính do hết thời hạn, mà ra Quyết định khắc phục hậu

quả là sai cả hình thức đến nội dung. Vì vậy, dẫn đến việc Cường chế là không đúng quy định của pháp luật. Từ đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

Tuyên bố hành vi Cường chế của Chủ tịch UBND xã T là hành vi trái pháp luật.

Do việc cưỡng chế trái pháp luật nên yêu cầu Tòa án hủy các văn bản như Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 53/QĐ-UBND ngày 12/6/2019.

Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06/8/2019 về việc nộp chi phí cưỡng chế và nhận lại tài sản.

Về bồi thường thiệt hại: Theo đơn khởi kiện thì bà Tạ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND xã T bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 208.000.000 đồng (Trong đó: Tiền tượng phạt Quan Âm là 120.000.000 đồng; tiền chi phí vận chuyển 8.000.000 đồng; trụ tượng trị giá 60.000.000 đồng; tiền vật liệu 20.000.000 đồng).

Tại phiên Tòa sơ thẩm bà N rút 01 phần yêu cầu với số tiền là 80.000.000 đồng/ tổng số 208.000.000 đồng, buộc Chủ tịch UBND xã T bồi thường số tiền còn lại là 128.000.000 đồng (Trong đó tiền bồi thường Tượng phạt Quan Âm là 48.000.000 đồng, 60.000.000 đồng nhân công xây dựng trụ tượng và 20.000.000 đồng là vật liệu xây dựng).

Người bị kiện trình bày: Trên cơ sở nguồn tin của công dân về việc bà Tạ Thị N dựng Tượng phạt, xây nhà trên đất nông, lâm nghiệp tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 87 đo đạc năm 2014 mang tên ông Nguyễn Văn N1 được bà N nhận chuyển nhượng lại, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thửa đất này bà N xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý theo Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 và 01 Tượng phạt Quan Âm dựng trên 01 phần đất được xác định là đất nông nghiệp.

Ngày 03/4/2019 UBND xã T đã lập biên bản làm việc và đình chỉ xây dựng trái phép, hiện bà N đã ngừng thi công. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, ngày 19/4/2019 Chủ tịch UBND xã T đã cử cán bộ địa chính xuống lập biên bản vi phạm hành chính với lý do dựng Tượng phạt Quan Âm trái phép trên đất nông nghiệp khi chưa chuyển mục đích (Bà N có giấy phép kinh doanh nhưng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hết thời hạn 07 ngày Chủ tịch UBND xã T không ban hành được quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, lý do là chưa xác định được Tượng phạt Quan Âm dựng trên phần đất nào, nên đã chỉ đạo cán bộ địa chính xã đi xác minh làm rõ đất này là của bà N hay của ông Mnhur bà N trình bày, ngày 05/6/2019 chị Trần Thị Thanh T2, cán bộ địa chính UBND xã T xuống lập biên bản xác minh thêm tình tiết vi phạm hành chính. Quá trình phát hiện bà N vi phạm, UBND xã đã triệu tập bà N nhiều lần làm việc, tại các

biên bản ngày 04/4/2019, ngày 22/4/2019, ngày 16/5/2019, bà N cam kết tự tháo dỡ trong vòng 20 ngày. Đến ngày 06/6/2019 bà N vẫn chưa tháo dỡ.

Ngày 26/6/2019 trên cơ sở làm việc với ông Phạm Văn M là người bà N cho rằng diện tích đất xây dựng tượng phật Quan Âm là đã chuyển nhượng cho ông M. Tuy nhiên, ông M trình bày lời khai bà N như vậy là không đúng, vợ chồng ông không liên quan gì đến đất đai hay việc dựng tượng của bà N. Trên cơ sở xác minh đầy đủ chứng cứ chứng minh chính bà N là người vi phạm dựng Tượng phật Quan Âm trên đất nông nghiệp đã vi phạm quy định tại điểm a Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai với lý do là dựng Tượng Quan Âm trên đất nông nghiệp (sử dụng đất sai mục đích). Về quy trình ban hành các quyết định theo mẫu và quy định của Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Còn lý do không ban hành quyết định xử phạt hành chính là cần xác minh tình tiết mới theo quy định tại Điều 56 Luật xử phạt vi phạm hành chính đã hết hạn ra quyết định. Căn cứ điều 65 Luật xử phạt vi phạm hành chính thì UBND xã ban hành các thủ tục khắc phục hậu quả, hết thời hạn 20 ngày như chị N trình bày xin tự tháo dỡ nhưng chị N không thực hiện nên ban hành quyết định cưỡng chế và giao quyết định cho người bị cưỡng chế theo quy định, việc thi hành quyết định cưỡng chế có kế hoạch tổ chức cưỡng chế, quá trình thực hiện việc cưỡng chế lập biên bản đầy đủ, đúng thành phần, bức tượng bị cưỡng chế hiện nay UBND xã T đang gửi tại Chùa B, thuộc tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trông coi và bảo quản.

Từ phân tích trên Chủ tịch UBND xã T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do toàn bộ trình tự, thủ tục từ khi lập biên bản vi phạm hành chính đến việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 53/QĐ-UBND ngày 12/6/2019; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06/8/2019 về việc nộp chi phí cưỡng chế và nhận lại tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 và đúng quy định của pháp luật về hình thức cũng như nội dung. Do không đồng ý về yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế là trái pháp luật nên cũng không đồng ý bồi thường.

Người làm chứng chị Trần Thị Thanh T2 trình bày: Chị là cán bộ công chức, được lãnh đạo phân công nhiệm vụ là cán bộ địa chính của UBND xã T, những việc liên quan đến đất đai thì cán bộ chuyên môn lĩnh vực địa chính có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo giải quyết. Khi xuống lập biên bản vi phạm hành chính có bà N và các cán bộ UBND xã cùng chứng kiến, nhưng do sơ xuất nên khi lập biên bản không đưa cho lãnh đạo ký (Việc đi lập biên bản lãnh đạo chỉ đạo bằng miệng, không có văn bản gì giao quyền cho chị), toàn bộ các thủ tục do chị tham mưu cho Chủ tịch ký. Nay ý kiến của chị T2 là bà N vi phạm, đã cam kết tháo dỡ nhiều lần nên chị đồng ý với ý kiến của Chủ tịch UBND xã T đã trình bày.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 03/7/ 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 78,

Điều 84, khoản 1 Điều 115, khoản 1 Điều 116; Điều 173, Điều 193, Điều 194, điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 366 Luật tổ tụng hành chính và các quy định của pháp luật về nội dung đã tuyên xử:

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N đối với số tiền bồi thường thiệt hại 80.000.000 đồng/ tổng số 208.000.000 đồng.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N.

Tuyên bố Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T trong việc cưỡng chế là trái pháp luật.

Hủy toàn bộ các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 53/QĐ-UBND ngày 12/6/2019; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Hủy 01 phần Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06/8/2019 về việc nộp chi phí cưỡng chế và nhận lại tài sản (Hủy đối với phần liên quan đến số tiền cưỡng chế là 11.010.000 đồng (Mười một triệu không trăm mười nghìn đồng) trả lại cho UBND xã T.

Không chấp nhận yêu cầu buộc Chủ tịch UBND xã T bồi thường số tiền còn lại là 128.000.000 đồng (Trong đó tiền thiệt hại về Tượng phật Quan Âm là 48.000.000 đồng, 60.000.000 đồng nhân công xây dựng trụ tượng và 20.000.000 đồng là vật liệu xây dựng).

Tuyên trả lại cho bà Tạ Thị N 01 bức tượng phật Quan Âm có đặc điểm: Bằng đá nước, màu trắng, cao 03 m, đế đài sen 80 cm x 80 cm, hiện nay đang được UBND xã T tạm gửi tại Chùa Bửu Thành, địa chỉ: Tại tổ 6, thị trấn Đức An, huyện Đ (Theo biên bản tạm giao tài sản giữa đại diện UBND xã T với ông Thích Nhuận Phương - Trưởng ban tự sự Giáo hội phật giáo Việt Nam tại Chùa Bửu Thành huyện Đ ngày 12/7/2019)

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/7/2020, bà Tạ Thị N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 03/7/ 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 128.000.000 đồng và buộc Chủ tịch UBND xã T trả lại bức tượng cho bà tại thửa đất nơi đã cưỡng chế di dời bức tượng và buộc Chủ tịch UBND xã T phải chịu mọi chi phí vận chuyển bức tượng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và cho rằng thời hạn cưỡng chế 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế là dành cho người thi hành công vụ và việc thi hành cưỡng chế đối với bà N là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tạ Thị N, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 03/7/ 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng hủy một phần Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06-8-2019 của UBND xã T đối với nội dung “*nộp chi phí cưỡng chế và nhận lại tài sản*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện, Bản án sơ thẩm, đối chiếu quy định của pháp luật thì thấy:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Tạ Thị N làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 19/4/2019 thì thấy: Cấp sơ thẩm cho rằng biên bản vi phạm hành chính này được lập không đúng thẩm quyền (phải là Chủ tịch UBND cấp xã) và không đúng về nội dung và hình thức nên dẫn đến việc ban hành các quyết định hành chính cũng như hành vi cưỡng chế trái pháp luật là không đúng. Bởi lẽ:

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 81/2013/ NĐ-CP ngày 19/7/2013 :

“Điều 6. Lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.

Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.”

Tại Điều 34 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (gọi tắt là NĐ số 102) có quy định về việc lập biên bản và thẩm quyền lập biên bản VPHC như sau:

“1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai được lập theo quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số [81/2013/NĐ-CP](#) ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại các Điều 31, 32 và 33 của Nghị định này;

b) Công chức, viên chức thuộc các cơ quan quy định tại các Điều 31, 32 và 33 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ”

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:
“Điều 58. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.”

2. Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.”

Đối chiếu quy định trên thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm hành chính này của bà N không bắt buộc phải là Chủ tịch UBND cấp xã như nhận định của cấp sơ thẩm vì bà Trần Thị Thanh Thúy là Công chức địa chính xã T phụ trách mảng đất đai tại địa phương, được lãnh đạo phân công nhiệm vụ tiến hành lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính của bà Tạ Thị N. Do đó việc lập biên bản này là đảm bảo về mặt thẩm quyền. Về hình thức đảm bảo theo quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng như Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số [81/2013/NĐ-CP](#) ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và tại thời điểm lập biên bản ngày 19/4/2019 bà Tạ Thị N là cá nhân vi phạm đã có mặt chứng kiến và đã ký vào biên bản cũng như có sự chứng kiến của hai người là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ. Do đó, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì không cần xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra vi phạm tại mục đại diện chính quyền địa phương.

[2.2]. Xét hành vi vi phạm hành chính của bà Tạ Thị N, trình tự thủ tục ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 53/QĐ-UBND ngày 12/6/2019, Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 60/QĐ-UBND ngày 01/7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức của quyết định: Hai quyết định trên do Chủ tịch UBND xã T ký ban hành là đúng thẩm quyền quy theo định tại Điều 28 và Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về nội dung của quyết định: Trong những năm vừa qua tình trạng lấn chiếm đất nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất nông lâm nghiệp vào mục đích phi nông nghiệp trái phép trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Đ nói riêng diễn ra rất phức tạp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đắk Nông đã có nhiều văn bản chỉ đạo chấn chỉnh lập lại trật tự tình trạng này.

Hồ sơ vụ án thể hiện tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 87 đo đạc năm 2014 do bà Tạ Thị N nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị G (lấn chiếm sử dụng trái phép đất của Công Ty lâm nghiệp T) nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 05-9-2017 UBND tỉnh huyện Đ về việc giao đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp T cho UBND xã T quản lý. Như vậy bà Tạ Thị N đang sử dụng trái phép đất nông nghiệp nhưng tự ý xây dựng tượng phật trên đất là có hành vi vi phạm “*chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép*”. Theo Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 11-11-2014 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (gọi tắt NĐ 102).

Trước khi ban hành quyết định, UBND xã T đã nhiều lần lập biên bản làm việc với bà Tạ Thị N, nhiều lần lập biên bản vận động, T1 phục hồi với bà N. Bà N nhiều lần cam kết tháo dỡ tượng phật xây dựng trái phép nhưng không thực hiện. Do bà N không thực hiện nên Chủ tịch UBND xã T ban hành QĐ số: 53, buộc bà N khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm đối với hành vi xây dựng tượng trái phép trên đất nông nghiệp; yêu cầu bà N phải thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận quyết định, nếu quá thời hạn trên thì sẽ bị cưỡng chế là đúng Điều 28, Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do Bà N không tự nguyện thi hành QĐ số: 53 nên ngày 01-7-2019 Chủ tịch UBND xã T ban hành QĐ số: 60 cưỡng chế thi hành QĐ số: 53 là đúng Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Như vậy QĐ số 53 và QĐ số 60 của chủ tịch UBND xã T ban hành là đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy các QĐ số: 53 và QĐ số: 60 là không có căn cứ. Tuy bà N không kháng cáo đối với nội dung này nhưng để đánh giá hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T có đúng pháp luật hay không xét thấy tại cấp phúc thẩm cần phải xem xét đánh giá đến các quyết định hành chính này là không vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm như theo quy định tại Điều 220 Luật tổ tụng hành chính.

[2.3]. Xét yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND xã T là hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND xã T phải bồi thường thiệt hại số tiền 128.000.000 đồng và trả lại bức tượng đúng nơi cưỡng chế, di dời. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về thời gian thi hành quyết định biện pháp khắc phục hậu quả:

“Điều 85. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Luật này.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.”

Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

“Điều 5. Gửi quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Ngay sau khi ra quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải tổ chức gửi quyết định cưỡng chế cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan.

...

3. Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 15 ngày, kể từ ngày nhận quyết định cưỡng chế, trường hợp quyết định cưỡng chế ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 15 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó”.

Tại Điều 1 và Điều 3 của QĐ số: 53 ngày 12/6/2019 có ghi: “... Thời hạn thực hiện khắc phục hậu quả là 15 ngày ...”

“Điều 3. Ông (bà)/tổ chức bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 phải thực hiện quyết định này. Nếu quá thời hạn quy định tại Điều 1 Quyết định này mà ông (bà)/tổ chức Tạ Thị N không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.”.

Tại Điều 4 QĐ số: 60 ghi: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, ông (bà) Tạ Thị N có trách nhiệm thực hiện Quyết định. Nếu quá thời hạn mà bà Tạ Thị N không tự nguyện thực hiện thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật”

Sau khi ban hành QĐ số 60 ngày 01-7-2019 thì đến ngày 04-7 2019 UBND xã T tiến hành giao QĐ số: 60 cho bà Tạ Thị N. Lẽ ra sau ngày 19-7-2019 bà N không tự nguyện thực hiện thì mới tổ chức cưỡng chế. Tuy nhiên đến ngày 12-7-2019 Chủ tịch UBND xã T đã tổ chức cưỡng chế đối với bà N là vi phạm về thời hạn cưỡng chế. Do đó, hành vi cưỡng chế trước thời hạn là hành vi hành chính không đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi ban hành quyết định QĐ số 60 thì UBND xã đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương có làm việc với bà N nhiều lần để vận động bà N tự tháo dỡ, di dời tượng phạt nhưng bà N cũng không chấp hành. Mặt khác, xuất phát từ hành vi vi phạm hành chính của bà N như đã phân tích tại mục [2.2] đồng thời trước thời điểm ban hành QĐ số 53 thì UBND xã T đã nhiều lần lập biên bản làm việc với bà N, nhiều lần lập biên bản vận

động, T1 phục bà N và cho bà N thời gian tự tháo dỡ. Bà N cũng nhiều lần cam kết tự tháo dỡ tượng phật xây dựng trái phép nhưng sau khoảng thời gian dài bà cũng không thực hiện. Hơn nữa, tại buổi cưỡng chế bà N có mặt, đoàn cưỡng chế cũng đã vận động T1 phục bà N tự tháo dỡ nhưng bà vẫn chống đối nên đoàn cưỡng chế tiến hành việc cưỡng chế là phù hợp. Do đó, tuy Chủ tịch UBND xã T có sai sót về mặt thời gian tổng đạt quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng về bản chất bà N là người có hành vi vi phạm hành chính nên xét thấy việc cưỡng chế là có căn cứ. Hơn nữa, việc cưỡng chế, tháo dỡ, di dời kịp thời nhằm ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất nông lâm nghiệp vào mục đích phi nông nghiệp trái phép trên địa bàn huyện Đắk Song nói riêng và toàn tỉnh Đắk Nông nói chung. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy có căn cứ để tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T về việc cưỡng chế trước thời hạn là hành vi không đúng pháp luật. Tuy nhiên do hành vi vi phạm hành chính của bà N thuộc trường hợp phải cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm và thực tế cũng đã bị cưỡng chế. Do đó, không phát sinh thiệt hại nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Tạ Thị N đối với số tiền 128.000.000 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu hủy Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06-8-2019 của UBND xã T về việc “*nộp chi phí cưỡng chế và nhận lại tài sản*”: Như phân tích tại mục [2.3], chưa hết thời hạn bà N tự nguyện thực hiện QĐ số 60 nhưng Chủ tịch UBND xã T đã tổ chức cưỡng chế trước thời hạn là chưa đảm bảo về mặt thời gian thi hành quyết định. Do đó, nếu trong khoảng thời gian từ ngày 12-7-2019 đến hết ngày 19-7-2019 nếu bà N tự nguyện thực hiện QĐ số 53 và QĐ số 60 thì không phát sinh thiệt hại chi phí cưỡng chế số tiền 11.010.000 đồng. Sau khi cưỡng chế UBND xã T ban hành Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06-8-2019 yêu cầu bà Tạ Thị N nộp chi phí cưỡng chế số tiền 11.010.000 đồng là không có cơ sở vì việc cưỡng chế vi phạm về mặt thời gian nên UBND xã T phải chịu khoản chi phí này là đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 7, Điều 15 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường là cơ quan hành chính trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm bồi thường, cụ thể UBND xã T có trách nhiệm bồi thường số tiền chi phí cưỡng chế này, người thi hành công vụ đã gây thiệt hại phải hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền mà nhà nước đã bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, hủy một phần nội dung Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06-8-2019 đối với nội dung “*nộp chi phí liên quan đến việc cưỡng chế*”. Bà Tạ Thị N có trách nhiệm liên hệ với UBND xã T để nhận lại tài sản bị cưỡng chế là tượng phật Quan Âm (Theo biên bản tạm giao tài sản giữa đại diện UBND xã T với ông Thích Nhuận P - Trưởng ban trị sự Giáo hội phật giáo Việt Nam tại Chùa B huyện Đ ngày 12/7/2019). Không chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của bà N về việc yêu cầu Chủ tịch UBND xã T trả lại tượng phật về vị trí cũ và chịu mọi chi phí vận chuyển bức tượng vì tượng phật dựng trái phép trên đất của nhà nước thì không thể trả lại tượng về trên đất dựng trái phép của nhà

nước. Trường hợp sau khi nhận lại tượng phạt nếu có hư hỏng và chứng minh được thiệt hại thì bà N có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường bằng vụ án khác, Tòa án không xem xét trong vụ án này.

[4]. Một số sai sót khác của cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vấn đề bồi thường trong vụ án hành chính là nhận định sai lầm về việc áp dụng pháp luật vì theo Điều 7 Luật tổ tụng hành chính quy định việc giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại phải áp dụng các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật về tổ tụng dân sự được áp dụng để giải quyết. Do đó xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót như đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa đúng, áp dụng sai pháp luật để giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại, tuyên án không rõ ràng, khó thi hành... Tuy nhiên những sai sót này tại cấp phúc thẩm có thể khắc phục được, Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 366 Luật Tố tụng hành chính: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 6.350.000 đồng. Do yêu cầu của bà N được chấp nhận 01 phần nên bà N phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí là 3.175.000 đồng. Buộc Chủ tịch UBND xã T phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí là 3.175.000 đồng, số tiền này được hoàn trả lại cho bà N vì bà N đã nộp toàn bộ số tiền theo quy định.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận nên bà N phải chịu toàn bộ án phí là 6.400.000 đồng.

[9]. Về án phí hành chính: [8.1]. Án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 344, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận một phần nên bà N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND xã T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

[8.2]. Án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa bản án hành chính sơ thẩm nên bà Tạ Thị N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thị N.

Sửa bản án sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông như sau:

Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 173, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 khoản 2 Điều 344, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 366 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 16, điểm a, b khoản 1 Điều 28, điểm d khoản 1 Điều 38, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 65, khoản 2 Điều 66, điểm d khoản 2 Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87, Điều 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 31, Điều 34 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP hướng dẫn về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 5, Điều 6 Nghị định 81/2013/ NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 3 Điều 5, Điều 6, Điều 33, Điều 34, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; các Điều 3, Điều 4, Điều 7, Điều 15 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N đối với số tiền bồi thường thiệt hại 80.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N.

Tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trước thời hạn là hành vi hành chính trái pháp luật.

Hủy một phần nội dung của Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06-8-2019 về việc *nộp chi phí cưỡng chế và nhận lại tài sản* của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đối với nội dung yêu cầu bà Tạ Thị N nộp chi phí cưỡng chế tài sản số tiền 11.010.000 đồng.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N đối với yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 53/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 60/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N đối với yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải bồi thường thiệt hại số tiền 128.000.000 đồng và trả lại tượng phật Quan Âm về vị trí cũ. Bà Tạ Thị N có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân xã T để nhận lại tài sản bị cưỡng chế là tượng phật Quan Âm (đặc điểm như theo biên bản tạm giao tài sản giữa đại diện UBND xã T với ông Thích Nhuận Ph - Trưởng ban trị sự Giáo hội phật giáo Việt Nam tại Chùa B huyện Đ ngày 12/7/2019) theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

5. Về chi phí tố tụng: Tiền xem xét thẩm định, định giá là 6.350.000 đồng. Buộc bà Tạ Thị N phải chịu số tiền 3.175.000 đồng. Buộc Chủ tịch UBND xã T phải chịu số tiền 3.175.000 đồng, số tiền này Chủ tịch UBND xã T phải hoàn trả lại cho bà N vì bà N đã nộp toàn bộ số tiền theo quy định.

6. Về án phí:

6.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND xã T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng.

6.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Tạ Thị N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

6.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Tạ Thị N phải chịu số tiền 6.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 600.000 đồng bà Tạ Thị N đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 0002223 ngày 30/7/2019 và số 0001814 ngày 21/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Bà N còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 5.800.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP.HCM ;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- UBND xã T;
- UBND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

K'Tiêng